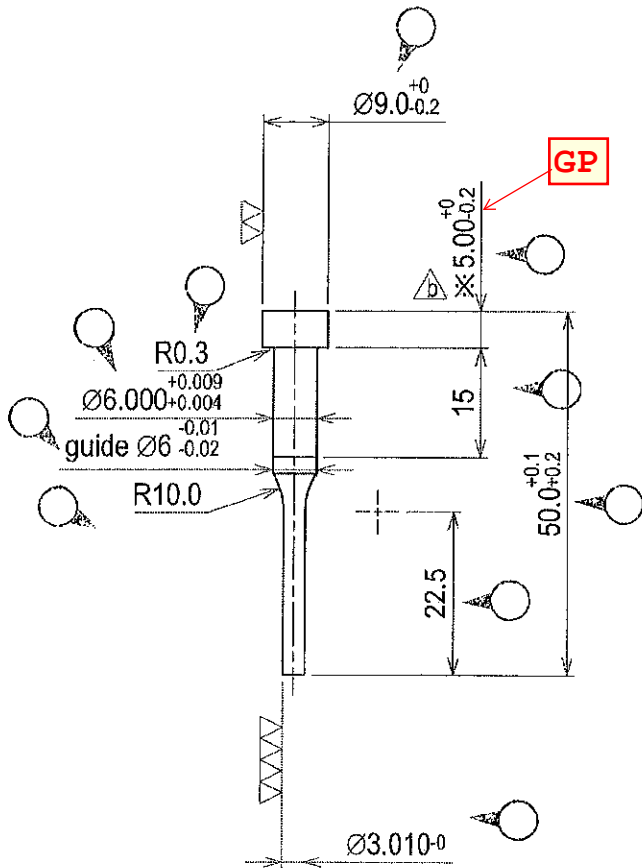


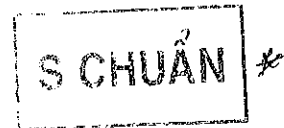
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.							0.0000	± 0.002	0.000 ⁺⁰	+0 -0.005
a	2020/08/05	制作品→购入品代替型号追加	JXM-SBT-20-001	Sun_Yin		Ye_Chang_Jing	0.000	± 0.005	0.000 ⁻⁰	+0.005 -0
b	2023/11/09	图面问题对应：追加工寸法标注	T-VNM-23-009	Jiang_Yi	Jiang_Yi	Liang_Xue_Ying	0.00	± 0.01	0.00 ⁺⁰	+0 -0.01
							0.0	± 0.1	0.00 ⁻⁰	+0.01 -0
							0.	± 0.2	0.0 ⁺⁰	+0 -0.1
									0.0 ⁻⁰	+0.1 -0
							TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
							FINISH MARKS			
							G ▽▽▽ (▽▽▽▽)			



购入品代替可

购入品型号：WPAL6-L50-P3.010-BC22.5

※:追加工寸法



CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Ye_Chang_Jing	WC(D30/HIP)		部品図 PART DRAWING	パイロットパンチ PILOT PUNCH
DSGND.	SURFACE	SCALE	部品図 部品圖	引导冲头 引导冲子
Sun_Yin		1:1	DATE	DWG.No.
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE		
Sun_Yin	HRC ~	A4V	2020/07/20	S277502

SNO: **S277502**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: Xuất hàng K2 Quy cách:WPAL6-L50-P3.010-BC22.5	GP:20 KT